TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HS-ST
Ngày 18-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đỗ Toàn và ông Bùi Quốc Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu – kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo thay đổi lịch xét xử ngày 04-9-2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tống Văn S**. Tên gọi khác: Không, sinh năm 1988 tại: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; có vợ và 02 con.

Con ông Tống Văn C và bà Đinh Thị T

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28-5- 2019 đến ngày 31-5-2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Sơn: Bà Lê Thị Thu Hiền – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người bị hại:

Anh Tống Văn X, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Doãn Văn V, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương

-Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương

- Bà Đinh Thị T, sinh năm 1967 và ông Tống Văn C, sinh năm 1968

Đều cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Bà T, ông C có mặt, anh V, anh H vắng mặt)

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

-Anh Nguyễn Xuân G, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

-Ông Đinh Quang T, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 20-10-2015 Tống Văn S đi về nhà ở thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương thấy trước cửa nhà vợ chồng anh Tống Văn X sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (là em trai của S ở giáp nhà S) có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter biển số 34D1-014.31. Xe của anh X. Sơn đi vào nhà anh X thấy chìa khóa xe mô tô để ở trên mặt bàn uống nước, anh X đang ngủ trong phòng. S đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để đi bán lấy tiền chi tiêu. S lấy chìa khóa xe moto rồi điều khiển xe đi đến nhà anh Doãn Văn V, sinh năm 1974 ở thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương. S nói với anh V là xe của S mua lại của em trai và hỏi vay số tiền 8.000.000 đồng để xe lại làm tin. Anh V đồng ý. Đến ngày 27-10-2015 S lại đến nhà anh V và bán chiếc xe mô tô trên cho anh và lấy thêm 6.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Số tiền bán xe Sơn đã chi tiêu hết. Anh V sau đó đã bán chiếc xe lại cho anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1981 (địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương) với giá 14.900.000 đồng. Ngày 07-11-2015 anh Xanh đã có đơn trình báo Công an huyện Kinh Môn.

Ngày 28-5-2019 tại xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, S bị Công an thành phố bắt theo Quyết định truy nã của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn. Trong thời gian bỏ trốn S không vi phạm pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 03-12-2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kinh Môn kết luận: Chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter biển số 34D1- 014.31 còn giá trị là 14.720.000 đồng.

Ngày 10-11-2015 anh Doãn Văn V giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện Kinh Môn chiếc xe moto biển số 34D1- 014.31. Ngày 13-01-2016 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh môn đã trả lại anh X chiếc xe trên. Anh X không yêu cầu về phần dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Ngày 07-6-2019 bà Đinh Thị T là mẹ đẻ Tống Văn S đã trả anh Doãn Văn V số tiền 14.000.000 đồng. Anh V đã trả lại anh H số tiền 14.900.000 đồng. Anh V và anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKSKM ngày 12-8-2019,Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố bị cáo Tống Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa bị cáo Tống Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tống Văn S phạm tội " Trộm cắp tài sản".

-Áp dụng: khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm s,r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Tống Văn S từ 12 tháng đến 15 tháng thời hạn tính từ ngày 28-5-2019.

-Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Tống Văn S được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Tống Văn S có quan điểm đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự vì trong quá trình bị cáo bị tạm giam bị cáo đã nhờ cán bộ điều tra tác động đến gia đình để bồi thường cho anh Doãn Văn V số tiền 14.000.000 đồng. Áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới khung. Đề nghị áp dụng mức hình phạt 5 tháng tù. Khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử cũng cần xem xét về nhân thân cũng như hoàn cảnh của bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất đặc biệt, bị cáo là lao động chính duy nhất để nuôi con nhỏ. Vì vợ chồng bị cáo đã ly hôn, hiện nay cá con của bị cáo đang ở cùng với ông C và bà T. Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo của địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Tống Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 08 giờ ngày 20-10-2015 tại gia đình anh Tống Văn X có địa chỉ tại thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương, Tống Văn S đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe moto Yamaha loại Jupiter biển kiểm soát 34D 1- 014.31 của anh Tống Văn X có giá trị là 14.720.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đã mang đi bán cho anh Doãn Văn V được 14.000.000 đồng. Sau đó anh V lại bán cho anh Nguyễn Duy H được 14.900.000 đồng. Bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh bắt theo Quyết định truy nã vào ngày 28-5-2019.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn nơi xảy ra tội phạm. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối chiếu với quy định của hai điều luật khi xem xét đánh giá hình phạt thì khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có lợi hơn cho bị cáo. Do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét đánh giá hình phạt đối với bị cáo.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố bị cáo đối với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người,đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về hành vi của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*người phạm tội thành khẩn khai báo*". Bị cáo *phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít*

nghiêm trọng; *anh Tống Văn X là người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*. Do vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 tuy nhiên xét thấy việc bị cáo có tác động bồi thường cho anh Doãn Văn V là người liên quan không phải là người trực tiếp bị ảnh hưởng do hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy không chấp nhận quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử cần đánh giá về nhân thân, điều kiện phạm tội của bị cáo. Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng không chấp nhận quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Vì sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không ý thức ăn năn hối cải mà đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn trong quá trình điều tra giải quyết vụ việc. Do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Tống Văn X xác định đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Doãn Văn V xác định đã được gia đình bị cáo trả lại số tiền 14.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Anh Nguyễn Duy H đã được anh V trả lại số tiền mua xe là 14.900.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bà Đinh Thị T và ông Tống Văn C đã trả cho anh V số tiền là 14.000.000 đồng thay bị cáo. Ông bà xác định tự nguyện cho bị cáo số tiền này nên không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[7]. Về án phí: Bị cáo Tống Văn S là cá nhân thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong vụ án này anh Doãn Văn V khi mua chiếc xe mô tô Yamaha loại Jupiter biển kiểm soát 34D 1- 014.31 không biết tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 7, điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1.Tuyên bố bị cáo Tống Văn S phạm tội " Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Tống Văn S 09 tháng *(chín tháng)* tù, thời hạn tính từ ngày 28-5-2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tống Văn S.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra- Công an huyện Kinh Môn;
- Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu: hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt